

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 57

Phẩm 23: SƯ TỬ HỒNG, (Phần 4)

- Nói về nghĩa ràng buộc, giải thoát.
 - Nói năm ấm trước sau nối nhau. Dùng dấu ấn bằng sáp ong để ví dụ.
 - Danh sắc ràng buộc chúng sinh, chúng sinh buộc ràng danh sắc.
 - Nói phiền não và tập khí làm nhân quả lẫn nhau.
 - Nói rộng về tám thí dụ: Dụ nghịch, dụ hiện tại v.v... .
 - Giải thích rộng ý nghĩa đèn dụ cho đạo Thánh.
 - Giải thích Tu-đà-hoàn dù sinh ở cõi nước vẫn đục vẫn tự giữ giới, dẫn Sư Tử ở Hương Sơn làm thí dụ.
 - Nói rộng về tướng của giới, định, tuệ không thật có.
 - Giải thích mười sáu luật nghi ác.
 - Giải thích nghĩa sinh và nghĩa Niết-bàn đều bất sinh bất diệt.
 - Giải thích nghĩa Phật tánh chẳng phải một, chẳng phải hai.
- “Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Như Phật đã nói” cho đến “Do hai nhân này, lẽ ra không có ràng buộc, giảithoát?”
- Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Môn thứ ba, nói về ràng buộc, giải thoát. Nếu phẩm trên đã nói quán nhân quả, thì phải từ ràng buộc được giải thoát.”
- Pháp sư Tăng Tông nói: “Sau đây, lại có bốn đoạn, xét về nghĩa đều đến từ Trung đạo. Trung đạo ở trước là nói về nghĩa. Đầu tiên dùng năm câu chấp “Có”, sau là bảy câu chấp “Không”. Đức Phật giải thích rằng: “Chẳng thể hoàn toàn nhất định là “Có”, chẳng thể hoàn toàn nhất định là “Không”.”
- Nay đây dường như muốn thành chấp ở trước, dùng ràng buộc, giải thoát để tu đạo, hai câu hỏi trở thành có chấp ở trước. Đối chướng, khuyên tu để trở nên vô chấp ở trước. Sở dĩ biết được ràng buộc, giải

thoát trở thành có chấp là vì, nếu trong nhân có Phật tánh thì vì bị “Hoặc” ràng buộc, nên gọi là “Phược”. Vì từ nhân đến quả được cởi trói, nên gọi là “Mở”. Nếu khi ở nhân không có tánh, về sau mới có “Nhân”, vì trước đã “Không” cho nên chẳng có sự ràng buộc. Khi quả tự khởi, sinh ở ngoài trói buộc, lại không có sự cởi mở.

Do hai nhân này, “Chánh nhân” tức thần minh. “Duyên nhân” tức muôn điều lành. Đây tự là hữu vi, tồn tại ở ràng buộc, cho đến Kim cương cũng chưa thoát khỏi “Hoặc”, tức là Kim cương bị phiền não trói buộc, sinh ra ở trước, tâm Phật không có lụy phiền, khởi lên ở sau, đâu có từ ràng buộc đến giải thoát ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đại văn thứ ba, nói về tướng ràng buộc, giải thoát. Nếu trước kia quán nhân, quán quả, lòng tin được lập, tiếp nối với tu đạo ở đây thì gọi là giải thoát. Nếu đối với sáu hạnh nhân quả này, lòng tin không vững thì gọi là ràng buộc. Nay sẽ nói về lý này, nên trước là nêu lên câu hỏi: “Nếu như Phật đã nói, thì lẽ ra không có ràng buộc, giải thoát. Vì sao? Vì trước ta đã nói là trong chánh nhân có Phật, nên phải “Duyên” liễu mà có ra. Phật nói trong chánh nhân đều không có quả. Vậy thì lúc có ràng buộc, có thể đều không có ràng buộc. Và ngay khi giải thoát kia cũng không hề có ràng buộc làm sao nói từ ràng buộc được giải thoát ư?” Dưới đây, sẽ dẫn chứng việc, như năm ấm đổi đời, niệm niệm sinh diệt, pháp tướng như thế, thì ai ràng buộc, ai giải thoát? Y theo văn này, gồm có năm đoạn:

1. Nói người tu hành, các ấm truyền nhau trong ba đời.
2. Phát khởi thể tướng của ràng buộc.
3. Nói về phương pháp của thể giải thoát.
4. Nói về ràng buộc, giải thoát không lìa nhau.
5. Nói về sự ràng buộc giữa hạt và quả khác nhau.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Ở trên nói về Trung đạo, dù rằng về lý thì tướng mạo rõ ràng, nhưng người học căn cơ, khác nhau nếu hiểu rõ thì thành giải thoát, người mê muội thì thành ràng buộc. Vì muốn người học sao cho thuận theo ràng buộc mà vẫn đến với giải thoát, nên đoạn thứ ba dưới đây. Kế là nói về nghĩa ràng buộc, giải thoát. Gồm có năm lượt:

1. Y cứ không khác với giả.
2. Nói về nghiệp hết, quả dứt, lý không thể dời đổi.
3. Cuối cùng, đèn sinh, bóng tối diệt. Nói sau khi quả đã dứt, quả sau sẽ nối tiếp.
4. Ví dụ dấu ấn bằng sáp, nói về lý do ấm nối nhau, vì lý nhân quả,

có tương quan nhau.

5. Nói về quả báo của trung ấm theo nhau.”

“Năm ấm này niệm niệm sinh diệt. Nó đã sinh, diệt thì ai ràng buộc, ai giải thoát?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu Phật tánh trong nhân đã bị kiết ràng buộc, kiết diệt thì giải thoát, danh nghĩa có thể tìm. Nay thân năm ấm sinh diệt, trước như sau sạch, một diệt, một sinh, đầu tiên không kịp nhau, thì ai ràng buộc, ai giải thoát?”

“Bạch Đức Thế tôn! Vì thân năm ấm này sinh ra thân năm ấm sau” cho đến “Chúng sinh cũng giống như vậy, làm sao có ràng buộc, giải thoát?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì người ngoài, làm cho họ được thông suốt. Nếu không đến thì sẽ không có người ràng buộc, lẽ ra cũng không có sinh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tâm chúng sinh phần nhiều nghi ngờ lý này, nên Bồ-tát mới nêu câu hỏi. Nếu là nghĩa Trung đạo tròn đầy thì sinh kiến giải cũng tròn đầy. Vì nối tiếp với tánh thấy này, nếu mảy may trái lý, thì mãi mãi sẽ lạc đường chánh đạo. Năm ấm này, là dẫn ấm nghĩa thể của ấm không kịp nhau, để thành lối chấp của ngoại đạo. Nói là ấm này tự diệt không đến ấm kia, hai ấm đều ràng buộc, còn không đến với nhau, huống chi là Phật tánh? Mà từ ràng buộc được giải thoát, nếu có ràng buộc, giải thoát, thì phải biết trong nhân đã có tánh?”

“Này người thiện nam! Lắng nghe! Hãy lắng nghe!” cho đến “Như đốt đèn thì bóng tối biến mất, đèn tắt thì bóng tối hiện ra.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ý đáp là sự nối nhau giả gọi chúng sinh có kiết, vì trung ấm nối tiếp với tử ấm, vì sinh ấm nối tiếp với trung ấm. Các khổ gọi là ràng buộc, chẳng phải trong nhân có quả.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Y cứ vào hai ấm để giải thích nghĩa truyền trao cho nhau. Câu hỏi của Bồ-tát, vì muốn cho “Đã có tánh ở trong thân, từ “Hoặc” được giải thoát”. Nay nói không cần “Đã có một tánh”. Nhân quả vốn tự cảm vờn nhau, hễ có nhân thì có nhân, có quả thì có quả, chẳng thể cả hai đều không. Ở nhân là ràng buộc, từ nhân đến quả là giải thoát. Nếu nói về pháp thật, thì trước không đến sau, nối theo nối tiếp nhau thì trước ràng buộc nay giải thoát.”

“Này người thiện nam! Như dấu ấn bằng sáp in lên đất sét” cho đến “Như khuôn bằng đất sét, đập vỡ khuôn thì hoa văn hiện ra.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dấu ấn dụ cho ấm trước, nét chữ dụ cho ấm sau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lại nêu hai ấm làm thí dụ. Dùng lửa hơ cho sáp chảy ra, nét chữ trên đất sét tự hiện. Đến lúc đó mới thấy, không được nói là nét chữ sáp biến thành nét chữ đất sét, vì nét chữ không phải từ đất sét lìa sáp tự nhiên mà hiện ra. Không phải chỗ khác đến, để so sánh với nghĩa hiện ấm, trung ấm. Do lửa hành nghiệp, nên làm cho hiện ấm diệt, ấm của trung ấm sinh, cũng không được nói rằng, trung ấm lìa hiện ấm mà sinh, cũng không được nói sinh ở chỗ khác, mà là bày tỏ hiện ấm làm nhân.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sáp dụ cho người tu hành khi chết. Dấu ấn dụ cho năm ấm lúc chết. Đất sét dụ cho trung ấm của người tu hành. Dấu in trên đất sét, dụ cho năm ấm của trung ấm. Không thay đổi ở đất sét, nghĩa là ấm khi chết với người tu hành cũng không thay đổi thành người trong trung ấm. Nét chữ không phải sinh ra từ đất sét, nghĩa là năm ấm của trung ấm không trực tiếp sinh từ người. Không từ chỗ khác đến, nghĩa là không từ chỗ khác mà được năm ấm của trung ấm vì ấm từ nhân duyên mà sanh vẫn, do ấm khi chết mà được ấm của trung ấm. Ấm hiện tại diệt, ấm của trung ấm sinh, hợp với dụ trước, nghĩa là dấu in rã, nét chữ hình thành câu, là ấm hiện tại. Cuối cùng trở về không, biến thành năm ấm của trung ấm: Hợp với dấu ấn bằng sáp trước không thay đổi câu văn trên đất sét.

Năm ấm của trung ấm cũng chẳng phải tự sinh: Hợp với dụ trước, nét chữ chẳng phải là câu từ đất sét hiện ra, không từ nơi khác đến: Hợp với dụ trước, là không từ nơi khác đến. “Nhân hiện ấm v.v... “Trở xuống, là hợp với dụ trước, do nhân duyên dấu ấn mà nổi lên thành nét chữ.

“Danh từ dù không khác nhau, mà thời gian đều khác” cho đến “Như dấu ấn bằng sáp in trên đất sét, dấu ấn tan rã, các chữ hình thành”.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Chẳng phải nhục nhãn thấy, sắc kia mâu nhiệm, Thiên nhãn mới thấy. Ba cách ăn: Tư thực là nghiệp quá khứ. Trong đây va chạm với lạnh, ấm hình thành thân. Bốn tâm của ý địa và năm thức. Các tâm nối nhau, không có đoạn thực. Trung ấm có hai thứ thiện và ác: Trước nói lấy ấm trước làm sáp, trung ấm làm đất sét. Nay, lại nói từ Trung ấm, hướng về chỗ thọ sinh”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Báo Trung ấm mâu nhiệm, chỉ có nhãn thức cõi trời mới nhìn thấy, cũng không có đoạn thực, mà tự giúp thân, nên tùy theo nghiệp dụng của Trung ấm thiện, ác, kia mà chiêu cảm dụng tâm có thô, tế. Về sau, khi cha mẹ giao hội, đều tùy nghiệp mà

tìm chỗ sinh, để hình thành thân mình. Khởi ba phiền não giao hội ràng buộc chấp đắm. Ấm của trung ấm hư hoại, hậu ấm nối tiếp khởi, như dấu ấn hư rã, đường nét hình thành”

“Lúc sinh, các căn có đủ, không đủ cho đến” do nghĩa này, nên gọi là năm ấm sinh”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Danh từ dù không khác nhau, nhưng về thời gian thì đều khác. Thời gian dù là một nhưng một sinh, một diệt, công dụng khác nhau”.

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ hai là phát ra thể ràng buộc. Tùy nghiệp trở thành sớm, muộn, sinh ra nhân duyên ba độc, kiết nghiệp khởi rối loạn, ràng buộc trong sinh tử”.

“Nếu người này được gần gũi Phật cho đến” Do nghĩa này, nên gọi là năm ấm diệt”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dứt nghiệp phiền não, không cảm thọ sinh tử, gọi là giải thoát”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ ba là phát ra thể giải thoát. Sự ràng buộc trôi lăn, tự không phải quán sâu cảnh giới, thì sẽ không do đâu dứt trừ khổ sinh tử”.

“Bồ-tát sư Tử Hống bạch Phật rằng: Trong hư không chẳng có gai đâm, sao nói là khổ? Năm ấm không có trời buộc, sao nói là ràng buộc”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên nói ấm không dứt, gọi là ràng buộc, mà không nói là chủ trời buộc, nên nêu câu hỏi”.

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đoạn thứ tư, chính là nói về ràng buộc, giải thoát không lìa chúng sinh. Lìa ngoài ràng buộc, giải thoát, không có chúng sinh riêng, nhưng nhân thành giả danh, lìa nhân không có quả. Nếu do “Hoặc” thành con người thì gọi người là ràng buộc.

Do giải thoát mà thành người thì con người là giải thoát. Vì sẽ nói về lý này, nên hỏi rằng: “Hư không vốn chẳng có gai để nhổ, thì ấm cũng không có trời buộc, để mở.”

Phật bảo: “Này người thiện nam! Vì xiềng xích phiền não cho đến”. Vì không có phiền não, nên gọi là giải thoát.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đời đời không dứt, do phiền não trời buộc. Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ngoài pháp năm ấm, không còn có con người riêng, gộp năm ấm lại tạo ra con người. Nếu năm ấm có bị ràng buộc thì gọi là người bị ràng buộc. Nếu năm ấm đã cởi mở thì gọi là người được giải thoát. Như cây cột chống đỡ nóc nhà, ngoài nóc nhà không có cột riêng.”

“Này người thiện nam! Như ba thứ nắm tay, chấp tay, thắt gút cho đến “Vì không có phiền não, nên gọi là giải thoát.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Co ngón tay lại thành nắm, duỗi ra thì nắm tay mất. Co, duỗi, thành, mất không khác với ngón tay, phiền não cũng giống như vậy.”

“Này người thiện nam! Như nói danh sắc ràng buộc chúng sinh” cho đến “Cũng gọi chúng sinh ràng buộc danh sắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ấm dài, kiết ngắn, có sự ràng buộc lẫn nhau mà chúng sinh danh sắc thì không có dài, không có ngắn, lại dùng làm thí dụ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nhân thành giả danh, không còn có pháp nào khác khởi lên, ý chỉ ấy mới hiển bày.”

“Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Như mắt không tự nó nhìn thấy” cho đến “Thế nên ta nói chúng sinh giải thoát.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lúc hai tay chấp lại, thì không có pháp khác nào đến mà chấp lại. Một chấp tay là quả, hai tay là nhân, mà lìa tay không có chấp. Chúng sinh danh sắc cũng giống như vậy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu danh, sắc khác với chúng sinh thì được nói là ràng buộc. Nay, danh sắc và sự ràng buộc là một thể, như mắt không tự thấy, sao nói là danh sắc ràng buộc danh sắc?” Phật đáp: “Dùng hai tay chấp chung, không còn có pháp chấp riêng, vì chính tay là chấp, tức gọi danh, sắc là ràng buộc.”

“Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Nếu có danh sắc” cho đến “Khi chưa lìa danh, sắc, lẽ ra cũng ràng buộc?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Danh sắc và chúng sinh, cả hai đều không có dài, ngắn, là đầu mối nêu lên câu hỏi này.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn thứ năm, nói về sự ràng buộc giữa hạt và quả khác nhau.”

“Này người thiện nam! Giải thoát có hai thứ” cho đến “Nếu dầu đã cạn hết thì lửa phải tắt, không có nghi ngờ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Danh sắc có ba thứ: Là nhân là quả, chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Phiền não và tập khí làm nhân quả lẫn nhau. Vì phiền não ấm là quả, Phật tánh chúng sinh cũng là danh sắc, chẳng phải nhân quả.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “La-hán đã dứt hết “Hạt phược”, dù có danh sắc nhưng chẳng phải là hạt nhân của sinh tử, chỉ vì số quả báo đã hết, chứ chẳng phải được dứt trừ do đạo đối trị.”

“Này người thiện nam! Dầu dụ cho phiền não” cho đến “Nếu dứt hết phiền não thì sẽ nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có “Hoặc” thì sẽ thọ sinh từ nơi này đến nơi khác, nên gọi là chúng sinh. “Hoặc” hết, thì không sinh, không gọi là chúng sinh, mà gọi là nhập Niết-bàn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đèn dụ cho “Quả phược”, dầu dụ cho “Tử phược” (Sự ràng buộc bởi hạt giống).

“Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Dầu và đèn” cho đến “Sao Như Lai lại dụ như đèn?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước kia dùng ánh sáng dụ cho chúng sinh. Về sau dùng chúng sinh dụ cho đèn, tức lấy ánh sáng làm đèn, dầu là nhân của sự cháy. Nay, phiền não là chúng sinh trở thành nhân, cuối cùng thì lấy gì làm dụ?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bồ-tát Sư tử Hống lại chấp dầu và đèn sáng, hai vật đều khác nhau. Nếu nói chúng sinh tức ràng buộc, chấp đấm thì điều này chẳng phải là thí dụ.”

“Phật nói: Này người thiện nam! Có tám thứ thí dụ” cho đến “Bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Muốn nói thí dụ, có nhiều thứ. Ở đây ví dụ phần ít, sau đây sẽ nói rộng về các ví dụ trái và không trái.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dẫn tám dụ để nói về pháp. Ví dụ không hoàn toàn lấy các pháp đã dụ ở trước, vì là phần ít.”

“Thế nào là thuận dụ? Như trong kinh nói” cho đến “Lại không có chiếc xe khác. Chúng sinh cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ý nêu tám thí dụ, là ý ở phần ít.”

“Này người thiện nam! Nếu muốn hợp pháp với ví dụ chiếc đèn kia” cho đến “Không bị các cõi làm ô nhiễm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngọn lửa dụ cho Kim cương, tập khí hết thì diệt.”

“Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Năm ấm của chúng sinh” cho đến “Ai là người có thọ lãnh giáo pháp để tu tập đạo hạnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Môn tu đạo thứ tư, từ ràng buộc được giải thoát, công sức do nghĩa của đường các hạnh. Nói tu đạo là lấy sự chứa nhóm, tập tành làm nghĩa. Chủ hữu vi là không, cũng không có trụ trói buộc, thì có gì để tu đạo?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Phần thứ tư của đoạn lớn, nói về tu đạo, trở thành câu hỏi chấp “Có” ở trước: “Nếu trong nhân có tánh thì sẽ bị

“Hoặc” ràng buộc. Từ nhân đến quả, dứt trừ “Hoặc”, nói là giải thoát. Đã có công dứt “Hoặc”, tức là nghĩa tu đạo được lập. Nếu trong nhân không có tánh thì chỉ là sinh, diệt, niệm niệm vô thường, đương thể tự diệt, đâu có tu đạo để đến Niết-bàn ư?

Y theo tu đạo, chia làm tám đoạn:

1. Nói tu đạo nối nhau có lợi ích.
2. Nói về phương pháp tu.
3. Nói về đạo bình đẳng.
4. Nhờ nơi chốn, cho nên nói về đạo.
5. Y theo con người để nói về đạo.
6. Khiển trách chấp đắm, y cứ vào cảnh giới vô tướng.
7. Lại, nêu không có mười tướng, khuyên tu nhân vô tướng.
8. Nêu lại quả cùng cực, khiến tu nhân của mười tướng.

Tâm không dứt: Dù nói là niệm niệm diệt (tắt mất), nhưng chủ yếu là ràng buộc, giải thoát nối nhau không dứt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói về phần tu đạo, chia thành mười đoạn:

1. Nói về thân thức của chúng sinh dù mỗi niệm tắt mất, nhưng vẫn được có nghĩa tu đạo.
2. Nói tu đạo được pháp, không được pháp. Nếu quên đi sự ô mấp được lý thì ra khỏi sinh tử.
3. Nói về tánh đạo bình đẳng...
4. Nói về xử đạo.
5. Nói về thời đạo.
6. Nói về nhân đạo.
7. Nói về trừ chấp, làm sáng tỏ đạo.
8. Nêu ra người năng tu đạo.
9. Nói về định tuệ giúp nhau.
10. Nói rộng về câu kiết nhân quả.”

“Phật nói: Nay người thiện nam! Tất cả chúng sinh” cho đến “Siêng năng tinh tấn tâm, tín tâm. Định tâm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ba tuệ là đạo, bắt đầu từ văn tuệ, niệm là văn tuệ. Tuệ là Tư tuệ, phát tâm là tu tuệ, là sáu thứ lớp.”

“Các pháp như vậy, dù niệm niệm sinh diệt” cho đến “Vì nối nhau không dứt, nên gọi là tu đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói có tu tập đạo, nghĩa là lấy sự nối nhau làm tập.”

“Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Các pháp

như thế” cho đến “Cũng dường như nối nhau, thì tu tập thế nào?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu lên hai trường hợp để hỏi.

Trường hợp thứ nhất, thích hợp với sáu tâm trên, nói đều niệm niệm sinh diệt, không thể dứt trừ.

Trường hợp thứ hai: “Nếu tương tự thì thấp kém, cũng không có sức tu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Câu hỏi có hai ý: Một là nếu niệm niệm diệt thì thể tự không vững chắc, tức không có lớn thêm; hai là nếu từ bậc hạ sinh bậc trung, từ bậc trung sinh lên bậc thượng thì chẳng phải tương tự nối tiếp nhau?”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Như ngọn đèn dù niệm niệm diệt” cho đến “Cũng có thể làm tăng trưởng cỏ cây, rừng cây.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp trường hợp của câu hỏi đầu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trước, khiển trách ý đầu tiên, nói về Nhất thân giải, dù niệm niệm diệt, nhưng phải thăm giúp nhau, nên được có công dụng.”

“Này người thiện nam! Ông nói niệm niệm diệt” cho đến “Thì sẽ phá tan tất cả phiền não.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi về trường hợp thứ hai.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế là khiển trách ý thứ hai, ý nói tâm là tánh hiểu biết. Dù thay đổi bất thường, nhưng phải nối nhau không dứt, về lý thường gọi là tăng tiến.”

“Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Như Phật đã nói cho đến làm sao không gây ra nghiệp ác cho được. Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Nêu xưa Phật nói: Ví dụ tu đạo tương tự, không tương tự để chứng minh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì muốn hỏi lại, trước là nhận lời Phật xưa đã nói. Phật nói: “Vì tâm không dứt, nên được niệm niệm thêm lớn”. Nếu như vậy thì người Tu-đà-hoàn lẽ ra cũng vô lậu. Vô lậu nối tiếp nhau, làm sao bỏ vô lậu mà sinh về cõi nước vẫn đực ư? Nhưng người Tu-đà-hoàn đã được kiến đế vô lậu, không có ba nghiệp lậu, chính là địa vị của Bồ-tát tam trụ, lẽ nào lại cảm thọ báo biên địa ư? Cho nên nghĩa lý mà một nhà xem xét không nên như vậy. Như trong phạm phu ít có năng lực phước đức, còn không sinh ở biên địa, huống chi hàng Tu-đà-hoàn mà chịu quả báo này ư? Nay, nói sinh vào cõi nước vẫn đực, là bỏ kiến đế năm ấm thanh tịnh vô lậu, khởi môn tư duy

phiền não, nên nói là sinh vào cõi nước vẫn đực.”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Người Tu-đà-hoàn” cho đến “Do năng lực đạo nên không gây ra nghiệp ác”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì kiết sử kiến chấp không khởi, nên không mất tên gọi Tu-đà-hoàn.”

“Này người thiện nam! Ví như ở Hương sơn, có Sư tử đầu đàn” cho đến “Vì năng lực đạo nên không gây ra các điều ác.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hương sơn dụ cho năm ấm khi được Sơ quả. Sư tử đầu đàn dụ cho vô lậu của Sơ quả, chim thú dụ cho “Hoặc” kiến đế. Núi, dụ cho ấm của cõi nước vẫn đực.”

“Này người thiện nam! Ví như có người uống chất Cam lộ” cho đến “năm ấm của Tu-đà-hoàn cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu rộng các chứng minh không mất.”

“Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Thế nào là tu định? Thế nào là tu tuệ?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sau đây là nói về nghĩa tu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn hai là nói về tu đạo được pháp, không được pháp, chỉ vì không gồm chúng sinh, nên nói là không được pháp. Dưới đây có ba lần nói về nghĩa.”

Phật nói: “Này người thiện nam! Nếu có người” cho đến “Tu giới định tuệ đó gọi là Thanh văn. Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Lớp thứ nhất là chỉ thẳng cả hai nói về đối nhau, là nói về đắc pháp.

Này người thiện nam! Thế nào lại gọi là tu tập giới, đó gọi là tu tập trí tuệ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lớp thứ hai, y cứ vào năng phá điều đại ác, để nói về được pháp.”

“Này người thiện nam! Tu tập giới cho thân được vắng lặng” cho đến “Vì để được pháp thường, lạc, ngã, tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích rộng tu tướng mạo tu giới, định, tuệ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lớp thứ ba, nói yếu tâm đại quả gọi là được pháp.”

“Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Như lời Phật nói” cho đến “Cho nên Niết-bàn không có nhân, không có quả.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ý câu hỏi là: Tiếp theo giới, định, ở trên thứ lớp sinh nhau mà được gọi là thường, vì nghĩa ấy chưa rõ ràng, nên mới hỏi: “Nếu do trí mà được diệt, diệt là xưa không, nay có,

có tức là sinh, sinh tức là diệt, trực tiếp vì không sinh, lại diệt, gọi là thường, nghĩa là sinh cũng như vậy, ngay khi sinh liền diệt, không còn sinh còn diệt, lẽ ra cũng là thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: ““Sinh” này dù là đương thể, nhưng vì không nói về “Trụ”, “Diệt”, nên được gọi là thường, phải có đầu cuối, không thường hằng nên chẳng phải Niết-bàn.”

“Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Phật tánh của chúng sinh là đều” cho đến “Cũng không nên nói rằng, Phật tánh như hư không.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhân có ba thứ: Chánh nhân, Duyên nhân thì riêng, cảnh giới nhân thì chung. Vì sao?”

Vì ba đạt trí: Một pháp không biết, thì chẳng phải là nhân duyên ba đời của Phật. Mỗi pháp đều có, tức là vô thường, nghĩa là Đức Phật ở chỗ kia đã biết, Đức Phật ở nơi này không biết. Vì “Không biết” nên “Hoặc” chưa hết, Phật lẽ ra vô thường?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn thứ ba, nói về tánh đạo bình đẳng. Sẽ nói rộng về lý này, nên trước nêu câu hỏi.”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Phật tánh của chúng sinh” cho đến “Phật tánh của chúng sinh cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp chung ba nhân, nói đều có chung bình đẳng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ngày còn ở quả có sáu đường khác nhau. Sau khi thành Phật, như vậy không có khác.”

“Bồ-tát Sư tử Hống bạch Phật rằng: “Như Phật đã nói” cho đến “Nhưng Phật tánh này vẫn thường trụ, duy nhất không thay đổi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Rộng nêu các ví dụ để giải thích về đồng tu mà không trở ngại.”

